

KẾ HOẠCH

Cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025

Thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác triển khai cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai cung cấp dữ liệu mở, đạt chỉ tiêu trên 70% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở năm 2023; trên 90% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở vào năm 2024; 100% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở vào năm 2025.
- Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ sử dụng dữ liệu.
- Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Bắc Giang.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang và Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang tại địa chỉ: <https://data.bacgiang.gov.vn>, đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về ban hành Quy chế Quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Triển khai giải pháp kết nối, tích hợp các dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Giang về Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang để chia sẻ

lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang đảm bảo đồng bộ và an toàn thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố các dữ liệu do các đơn vị, địa phương thu thập, quản lý theo quy định: Công bố Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang hằng năm theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và yêu cầu trong việc công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tại Điều 20 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP (theo Mẫu tại Phụ lục II).

- Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Giang và Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang xác định nội dung, hình thức chia sẻ dữ liệu phù hợp lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan cập nhật dữ liệu vào Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang.

- Tổng hợp báo cáo về tình hình cập nhật dữ liệu mở của cơ quan, đơn vị báo cáo về UBND tỉnh định kỳ hằng năm.

2. Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố

- Định kỳ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát dữ liệu của đơn vị, địa phương mình để cung cấp, đăng tải trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang và xác định sự phân loại đối với dữ liệu, ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao đảm bảo đến hết năm 2025, mỗi cơ quan, đơn vị cung cấp và duy trì cung cấp ít nhất một bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của đơn vị, địa phương mình theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy chế Quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Bố trí cán bộ làm đầu mối phụ trách đăng tải dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý tài khoản cho Cổng dữ liệu mở của đơn vị mình (cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng

năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối, đơn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố có trách nhiệm phân công thành viên nội bộ cơ quan, địa phương mình thực hiện công việc cập nhật và đảm bảo việc cập nhật thường xuyên, đúng nội dung, đúng thời hạn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý cho việc thực hiện Kế hoạch.

4. Chế độ báo cáo

Hàng năm (trước 30/12), Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, đánh giá kết quả việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, Trung tâm;
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

CHỦ TỊCH



Lê Ánh Dương

Phụ lục I
DANH MỤC DỮ LIỆU CUNG CẤP DƯỚI DẠNG DỮ LIỆU MỞ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	TÊN DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
I	CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC	
1	Cơ sở dữ liệu văn bản, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Dữ liệu về số giáo viên từng cấp trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Dữ liệu về số học sinh từng cấp trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Dữ liệu các nhóm trẻ độc lập tự thực trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Dữ liệu các trường mầm non trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Dữ liệu các trường tiểu học trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Dữ liệu các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Dữ liệu các trường trung học cơ sở trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Dữ liệu các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Dữ liệu các trường trung học phổ thông trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Dữ liệu các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
12	Dữ liệu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo tin học trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	CHỦ ĐỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
15	Dữ liệu số lượng thuê bao điện thoại di động	Sở Thông tin và Truyền thông
16	Dữ liệu số lượng thuê bao điện thoại cố định	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Dữ liệu số lượng thuê bao băng rộng cố định	Sở Thông tin và Truyền thông
18	Dữ liệu số lượng thuê bao băng rộng di động mặt đất	Sở Thông tin và Truyền thông
19	Danh sách cơ quan báo chí trung ương và địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
20	Dữ liệu danh sách các cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
21	Số lượng cơ sở hạ tầng điểm phục vụ bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông
22	Dữ liệu vị trí các cột an-ten lắp đặt trạm BTS	Sở Thông tin và Truyền thông
23	Số lượng cơ sở hạ tầng điểm phục vụ viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông

III	CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI	
24	Dữ liệu mạng lưới tuyến, biểu đồ chạy xe trên tuyến, giá vé xe buýt trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
25	Dữ liệu các luồng, tuyến cố định hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
26	Dữ liệu thông tin trên đường Quốc lộ, đường liên tỉnh	Sở Giao thông vận tải
27	Dữ liệu các điểm đỗ xe công cộng trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
28	Dữ liệu các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe	Sở Giao thông vận tải
29	Dữ liệu vị trí các công trình báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu	Sở Giao thông vận tải
30	Dữ liệu bến xe khách và giá dịch vụ ra vào bến	Sở Giao thông vận tải
31	Dữ liệu về số lượng cấp, đổi, thu hồi đăng ký các loại xe cơ giới trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
32	Dữ liệu về cấp mới giấy phép lái xe trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
33	Dữ liệu về giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	Sở Giao thông vận tải
34	Dữ liệu về danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
35	Dữ liệu danh sách các hãng taxi trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
36	Dữ liệu danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải	Sở Giao thông vận tải
37	Dữ liệu các cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Sở Giao thông vận tải
IV	CHỦ ĐỀ KHOA HỌC	
38	Thông tin khởi nghiệp tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Cơ sở dữ liệu KH&CN tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ
40	Thông tin nhiệm vụ khoa học công nghệ tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ
41	Kết quả theo dõi đánh giá xếp hạng kết quả xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ
42	Cổng truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ
V	CHỦ ĐỀ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
43	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp, danh sách doanh nghiệp đăng ký mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại	Sở Kế hoạch và Đầu tư
44	Dữ liệu các liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn	Sở Kế hoạch và Đầu tư
VI	CHỦ ĐỀ LAO ĐỘNG	
45	Dữ liệu về Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
46	Dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo địa phương	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

47	Dữ liệu về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo loại hình kinh tế	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
48	Dữ liệu số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
49	Dữ liệu về số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
50	Dữ liệu về cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
51	Dữ liệu về cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
VII	CHỦ ĐỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	
52	Dữ liệu VILG	Sở Tài nguyên và Môi trường
53	Dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
VIII	CHỦ ĐỀ NÔNG NGHIỆP	
54	Công bố thông báo tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm, nông, lâm, thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
55	Dữ liệu hoạt động trồng trọt trên địa bàn địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
56	Dữ liệu các cơ sở sản xuất giống vật nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
57	Dữ liệu các cơ sở chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
58	Dữ liệu các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
59	Dữ liệu các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
60	Dữ liệu danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
61	Dữ liệu về cơ sở sản xuất giống thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
62	Dữ liệu rừng phòng hộ trên địa bàn địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
63	Dữ liệu rừng đặc dụng trên địa bàn địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
64	Dữ liệu rừng sản xuất trên địa bàn địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
65	Dữ liệu diễn biến rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
66	Dữ liệu cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
67	Dữ liệu các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
68	Dữ liệu mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
69	Dữ liệu mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

IX	CHỦ ĐỀ TÀI CHÍNH	
70	Cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính
71	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện	Sở Tài chính
72	Dự toán thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
73	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi	Sở Tài chính
74	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực	Sở Tài chính
75	Cân đối ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
76	Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
77	Ước thực hiện chi ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
78	Cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính
79	Quyết toán thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
80	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi	Sở Tài chính
X	CHỦ ĐỀ VĂN HÓA DU LỊCH	
81	Dữ liệu các địa điểm du lịch tự nhiên về cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
82	Dữ liệu các địa điểm du lịch lịch sử - văn hóa trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
83	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, giải trí trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
84	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
85	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
86	Dữ liệu các điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
87	Dữ liệu các công ty lữ hành du lịch được cấp phép	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
88	Dữ liệu danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
89	Dữ liệu các di tích lịch sử - văn hóa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
90	Dữ liệu các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
91	Dữ liệu các bảo tàng thuộc phân cấp quản lý	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
92	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
93	Dữ liệu về thành tích thi đấu thể thao	Sở Văn hóa Thể thao

		và Du lịch
94	Dữ liệu các thư viện trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
95	Dữ liệu Tài nguyên du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
96	Dữ liệu các điểm đến du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
97	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, nhà hàng trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
98	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
99	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
100	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
101	Dữ liệu về Hướng dẫn viên du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
102	Dữ liệu Địa điểm sân Golf trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
XI	CHỦ ĐỀ XÂY DỰNG	
103	Dữ liệu giá vật liệu xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
104	Dữ liệu đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tính	Sở Xây dựng
105	Dữ liệu các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, khu đô thị đang triển khai thực hiện trên địa bàn	Sở Xây dựng
106	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
107	Dữ liệu về việc cấp phép xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
108	Dữ liệu chỉ số xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
109	Dữ liệu giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
110	Dữ liệu đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn	Sở Xây dựng
XII	CHỦ ĐỀ Y TẾ, SỨC KHỎE	
111	Dữ liệu danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của địa phương	Sở Y tế
112	Các cơ sở được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP), chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ Y tế	Sở Y tế
113	Dữ liệu các cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn	Sở Y tế
114	Dữ liệu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và số giường bệnh của từng cơ sở trên địa bàn	Sở Y tế
115	Dữ liệu cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Sở Y tế

XIII	CHỦ ĐỀ TƯ PHÁP	
116	Dữ liệu về thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá	Sở Tư pháp
117	Dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp
118	Danh sách công chứng viên trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp
119	Danh sách trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký HĐ với Trung tâm TGPL	Sở Tư pháp
120	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
121	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Sở Tư pháp
XIV	CHỦ ĐỀ CÔNG THƯƠNG	
122	Dữ liệu về danh sách các chợ trên địa bàn	Sở Công thương
123	Dữ liệu về danh sách các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn	Sở Công thương
124	Dữ liệu cấp giấy phép sàn giao dịch thương mại điện tử và website thương mại điện tử	Sở Công thương
125	Dữ liệu các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Sở Công thương

Phụ lục II
MẪU DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên tập dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Ngày cung cấp lần đầu	Tần suất cung cấp	Ghi chú
NHOM CHỦ ĐỀ.....						
Ví dụ	<i>Lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội</i>	<i>Dữ liệu cung cấp danh sách các tất cả các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích giúp cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng tra cứu, chủ động tham gia các chương trình, sự kiện của tỉnh. Dữ liệu bao gồm các thông tin về tên sự kiện, thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm và đơn vị tổ chức. Dữ liệu được tổng hợp từ các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội thường niên và mới được cấp phép trong thời hạn 1 tháng.</i>	<i>Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch</i>	<i>01/05/2023</i>	<i>Hàng tháng</i>	
Ví dụ	<i>Danh sách các cơ sở bán lẻ thuốc</i>	<i>Dữ liệu cung cấp danh sách tất cả các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh giúp cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng tìm kiếm được các cơ sở đã được cấp phép hoạt động trên từng khu vực để thuận tiện trong việc mua sản phẩm thuốc cũng như phát hiện các cơ sở kinh doanh trái phép. Dữ liệu bao gồm thông tin về tên cơ sở, địa chỉ kinh doanh phân theo từng phường, xã, phạm</i>	<i>Sở Y tế</i>	<i>01/02/2023</i>	<i>Hàng tháng</i>	

		<i>vi kinh doanh, ngày cấp và ngày hết hạn giấy phép được trích xuất từ hệ thống cấp phép của Sở Y tế.</i>				
NHOM CHỦ ĐỀ:						

1. Một số lưu ý khi triển khai dữ liệu mở:

a) Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

b) Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo Điều 17 và việc công bố dữ liệu mở đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 20, 21 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

c) Kế hoạch và triển khai dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

d) Sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

đ) Về định dạng dữ liệu: Khuyến khích cung cấp dữ liệu ở nhiều định dạng khác nhau, đặc biệt là các định dạng máy có thể đọc được, chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API). Dữ liệu ở định dạng máy có thể đọc được phải là dữ liệu có cấu trúc (ví dụ như CSV, JSON, XML...).

2. Hướng dẫn chi tiết các cột trong bảng mẫu:

a) TT: Số thứ tự của dịch vụ trong danh mục.

b) Tên tập dữ liệu: Tên dữ liệu phải được viết dễ hiểu cho nhiều đối tượng khác nhau, độ dài vừa đủ để mô tả được nội dung dữ liệu hàm chứa.

c) Mô tả: Thông tin mô tả về mục đích, phạm vi, nội dung, cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập cũng như các thông tin khác nếu có về chất lượng, độ tin cậy của dữ liệu.

d) Đơn vị chủ trì cung cấp: Cơ quan có thẩm quyền được giao quản lý và cung cấp dữ liệu.

đ) Ngày cung cấp lần đầu: Ngày mà dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

e) Tần suất cung cấp: Tần suất mà dữ liệu được cung cấp. Ví dụ như hàng tuần, hàng tháng, hàng năm...

g) Ghi chú: Các thông tin bổ sung khác (nếu có).

h) Nhóm chủ đề: Tên chủ đề mà dữ liệu được sắp xếp thành các nhóm để thuận tiện trong việc tìm kiếm.